TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Sử

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hứa Công Nguyên – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982

Cùng trú tại: Thôn Q, xã Th, huyện N ,tỉnh Ninh Bình.
Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày

07/7/2003 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại Thôn Q, xã Th. Hai bên sống hạnh phúc được khoảng thời gian 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th hay uống rượu về kiếm cớ chửi bới chị, nhiều lần anh Th hứa sửa chữa nhưng vẫn vậy. Cuối năm 2017 mâu thuẫn hai vợ chồng gay gắt, vì vậy chị đã phải trốn nhà đi làm ăn nơi khác, nay chị xác định không còn tình cảm với anh Th, chị và anh Th đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Th trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Th để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Th có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Thế L sinh ngày 20/7/2004, Nguyễn Đức L sinh ngày 19/7/2013. Hiện hai cháu đang ở với anh Th. Nguyện vọng của chị sau ly hôn xin được nuôi cả hai cháu, nếu không được thì chị xin được nuôi cháu Nguyễn Đức L, còn cháu L để anh Th nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn Th thể hiện tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị C trình bày là đúng. Tuy nhiên theo anh vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Gần hai năm nay vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, anh không đánh đập chửi bới, không đuổi chị C đi. Việc chị C bỏ đi anh có đi tìm. Lỗi của anh là do anh hay uống rượu chứ anh không đánh đập chửi bới gì. Nay chị C xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị C. Nếu chị C vẫn cố tình ly hôn với anh thì anh cũng phải chấp nhận. Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Thế L sinh 20/7/2004, Nguyễn Đức L sinh 19/7/2013. Hiện hai cháu đang ở với anh. Quan điểm của anh xin nuôi cả hai cháu trường hợp chị C vẫn xin ly hôn với anh. Không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Thế L, thể hiện tại bản tự khai ngày 26/10/2019: Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, tuy nhiên nếu bố mẹ không chung sống với nhau nữa thì cháu xin tiếp tục ở với bố, vì cháu ở với bố từ nhỏ.

Tại biên bản xác minh ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã Th, quan điểm của Ủy ban xã Thnhư sau: Ủy ban nhân dân xã Thxác nhận mâu thuẫn giữa chị C và anh Th là có thật, hiện nay chị C và anh Th đã ly thân. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thế L sinh 20/7/2004, Nguyễn Đức L sinh 19/7/2013.Quan điểm của ủy ban là nên giao cho mỗi người nuôi 1 cháu để

đảm bảo cuộc sống cho các cháu, hiện nay anh Th là lao động tự do tại địa phương có thu nhập khoảng 250.000 đồng/1 ngày.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhiều lần, tuy nhiên các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không thống nhất được việc giải quyết các vấn đề của vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tố tụng trong vụ án đầy đủ, chính xác.

- Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của BL TTDS.

- Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:***

- Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với Thnh phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX:

Căn cứ điều 5, 147, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 20/7/2004 cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 19/7/2013 cho chi Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị C và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn , tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th hay uống rượu về chửi bới chị C. Do không chịu đựng được chị C đã phải bỏ đi từ cuối năm 2017 cho đến nay không sống chung cùng anh Th, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn

của chị C với anh Th là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Nguyện vọng của chị C xin được nuôi cháu Nguyễn Thế L sinh 20/7/2004, còn để anh Th tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Đức L sinh 19/7/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Th và chị C đều là lao động tự do, có thu nhập như nhau, cả hai bên đều khỏe mạnh, chị C có nộp cho Tòa án mức thu nhập của chị 1 tháng là 7000.000 đồng, mặt khác cháu L còn nhỏ đang tuổi đi học rất cần sự chăm sóc và dậy dỗ của mẹ. Cháu L đã lớn có thể tự chăm sóc bản thân. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của các cháu nên giao cháu L cho anh Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị C chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Việc anh Th xin nuôi cả hai cháu là không đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho các cháu nên không được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh Th không có yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 20/7/2004 cho anh Nguyễn Văn Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 19/7/2013 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác (Hiện cháu L và cháu L đang ở với anh Th). Chị C và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, ngời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dỡng, giáo dục con thì ngời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ngời đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000300 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị C và anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Th*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh